

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 56/2025/DS-ST
Ngày 28 - 4 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Phát

Ông Nguyễn Minh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và Tầng A1 Tòa nhà S, phường B, Quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Đình T – Chức vụ: Giám đốc Khối mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng bán lẻ. (Giấy ủy quyền số 226369.24 ngày 23/10/2024)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phan Văn P; địa chỉ liên hệ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và Xử lý nợ vùng. Đơn vị: Vùng Đông Nam Bộ, Khối mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng Bán lẻ (Giấy ủy quyền số 232141.24 ngày 23/10/2024)

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: ông Đỗ Tấn Ph, sinh năm 1988; địa chỉ liên hệ: Ngân hàng TMCP Q (Q) – Chi nhánh Tây Ninh, địa chỉ: LB-LB1 Khu S, Khu phố B2, Phường B3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Theo giấy ủy quyền số 020779.25 ngày 24/01/2025) – có mặt

Bị đơn: Ông **Cao Văn Th**, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ C, ấp T1, Xã T2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt

Bà **Thị Sa Q**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ C, ấp T1, xã T2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Cao Thị C**, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp T1, xã T2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Tấn Ph trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Q) đã ký với ông Cao Văn Th và bà Thị Sa Q các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 5004364.21 ngày 19/10/2021 với nội dung: Q cho ông Cao Văn Th và bà Thị Sa Q vay số tiền 700.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh măn cẩu; Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay và ngày trả nợ vay được quy định chi tiết trong Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 5004364(2).21 ngày 22/09/2022.

Ngày 22/09/2022, Q đã giải ngân cho ông Cao Văn Th và bà Thị Sa Q theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 5004364(2).21 với số tiền 700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 23/11/2021, Q đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Cao Văn Th 01 thẻ tín dụng, loại thẻ Q Rewards Unlimited; Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng;

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Th, bà Q đã thế chấp tài sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 958, tờ bản đồ số: 27, địa chỉ: ấp T1, xã T2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 653907, số vào sổ cấp GCN: CS07034 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/06/2021 cho ông Cao Văn Th đứng tên Người sử dụng đất chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tài sản này được thế chấp tại Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 6845, Quyền số: 10/2021.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần Duy Linh công chứng ngày 19/10/2021. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, sử dụng thẻ tín dụng, ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng; Hợp đồng thế chấp đã ký, khoản nợ vay quá hạn từ ngày

22/05/2023, nợ thẻ tín dụng đã quá hạn thanh toán từ ngày 10/05/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tạm tính đến ngày 28/4/2025, ông Cao Văn Th và bà Thị Sa Q đã thanh toán cho Q số tiền là 48.938.622 đồng (trong đó: gốc là 0 đồng, lãi là 48.938.622 đồng) và còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là: 1.060.085.087 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) bao gồm:

Tiền nợ của khoản vay là: 958.437.912 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.065.479 đồng, nợ lãi quá hạn là 228.372.432 đồng.

Tiền nợ thẻ tín dụng là: 101.647.175 đồng, trong đó nợ gốc là 27.851.930 đồng, nợ lãi là: 22.076.872 đồng, phí chậm thanh toán là: 49.546.825 đồng, phí thường niên là: 499.000 đồng, phí vượt hạn mức là: 1.672.548 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Th, bà Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi của khoản vay, thẻ tín dụng là 1.060.085.087 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi tám đồng). Trong trường hợp ông Th, bà Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Q, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng ông Th, bà Q không đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị C trình bày:

Bà là em ruột ông Cao Văn Th. Tại phần đất ông Cao Văn Th đang thế chấp Ngân hàng bà có xây một mái che tạm trên đất do nhà bà ngay bên cạnh phần đất thế chấp. Nay Ngân hàng khởi kiện ông Th, bà Q, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án. Trường hợp phần đất ông Th, bà Q thế chấp Ngân hàng được phát mãi để trả nợ, bà tự nguyện dỡ bỏ mái che.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng ông Văn Th, bà Thị Sa Q vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, làm vụ án kéo dài thời gian, vi phạm quy định Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

-Về nội dung: Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị Quyết số 326 của UBTVQH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, buộc ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 727.851.930 đồng, trong đó nợ hợp đồng tín dụng là 700.000.000 đồng và nợ thẻ tín dụng là 27.851.930 đồng, nợ lãi trong hạn, quá hạn theo hợp đồng ký kết kể từ khi vi phạm cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q không trả nợ, trả không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q, ông Th, bà Q có địa chỉ tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Hợp đồng tín dụng được ký giữa cá nhân không có đăng ký kinh doanh với Ngân hàng, không phải là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là tranh chấp về dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Th, bà Q, bà Cuôn.

[2] Ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q có vay tiền của Ngân hàng Q số tiền 700.000.000 đồng và trên cơ sở tự nguyện, thể hiện ở Hợp đồng tín dụng số 5004364.21 ngày 19/10/2021, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5004364(2).21 ngày 22/09/2022, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 700.000.000 đồng;

Thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân đến ngày 22/8/2023;

Phương thức giải ngân: Vào tài khoản của ông Cao Văn Th;

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là: 10,6%/năm. Mức lãi suất này sẽ được Q điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,8%/năm;

Hình thức trả nợ gốc, trả lãi: trả gốc vào cuối kỳ, trả lãi hàng tháng vào ngày 22, kỳ trả đầu tiên là ngày 22/10/2022

Ngoài ra Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ còn quy định về các loại phí.

Trên cơ sở hợp đồng đã ký, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Th, bà Q số tiền 700.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Cao Văn Th ngày 22/9/2022.

Từ khi vay đến nay, ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q đã trả được tiền lãi tính đến ngày 28/4/2023 số tiền lãi là 48.898.356 đồng và tiền lãi quá hạn 40.266 đồng, sau đó ông Th, bà Q không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng.

Căn cứ hợp đồng cho vay đã ký, ông Th, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 22/5/2023, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Th, bà Q phải trả số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử cụ thể như sau: lãi trong hạn: 30.065.479 đồng, lãi quá hạn là 228.372.432 đồng, tổng cộng 958.437.912 đồng.

[2.2] Để đảm bảo khoản vay, ông Th, bà Q có thể chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 958, tờ bản đồ số: 27, địa chỉ: ấp T, xã T2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Tài sản này được thế chấp tại Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 6845, Quyền số: 10/2021.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần Duy Linh công chứng ngày 19/10/2021 và có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – chi nhánh thành phố Tây Ninh. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật và hoàn toàn tự nguyện.

Trường hợp ông Th, bà Q không thanh toán các khoản nợ trên thì theo quy định tại Điều 299, Điều 303 Bộ luật Dân sự 2015, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 958, tờ bản đồ số: 27, địa chỉ: ấp T, xã T2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 653907, số vào sổ cấp GCN: CS07034 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/06/2021 cho ông Cao Văn Th đứng tên Người sử dụng đất chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền nợ thẻ tín dụng 101.647.175 đồng thì thấy rằng: Việc ông Th ký đơn Đề nghị phát hành thẻ ngày 23/11/2021 với Ngân hàng Q là hoàn toàn tự nguyện. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Th thẻ tín dụng hạn mức tín dụng là: 30.000.000 đồng, loại thẻ: Q Rewards Unlimited

Quá trình sử dụng thẻ ông Th đã thực hiện các giao dịch và thanh toán hàng tháng, số tiền nợ gốc tính đến thời điểm thu hồi nợ là 27.851.930 đồng.

[3.1] Việc ông Th không thanh toán dư nợ thẻ tín dụng hàng tháng cho Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Q khởi kiện yêu ông Th, bà Q trả số tiền

nợ gốc 27.851.930 đồng và tiền nợ lãi 22.076.872 đồng là phù hợp quy định pháp luật, nên cần chấp nhận.

[3.2] Đối với số tiền phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức, phí thường niên thì thấy rằng: Theo đơn Đề nghị phát hành thẻ ngày 23/11/2021 và Bản chấp thuận về Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Q thể hiện ông Th đã ký xác nhận đã hiểu rõ Bản chấp thuận về Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Q, Biểu phí, Bản điều khoản mở, sử dụng tài khoản và dịch vụ Q, các điều khoản và điều kiện khác được công bố trên website.

[3.3] Theo quy định tại Điều 5 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì Tổ chức phát hành thẻ được thu phí của chủ thẻ theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố và Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ.

[3.4] Tại Bản chấp thuận về Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Q cũng nêu rõ Biểu phí dịch vụ thẻ được công bố tại website chính thức của Q. Q có toàn quyền thay đổi biểu phí tại từng thời điểm mà Q cho là phù hợp. Q sẽ thông báo cho chủ thẻ bằng nhiều hình thức, trong đó có hình thức công bố trên website chính thức của Q. Chủ thẻ nếu không đồng ý có thể chấm dứt sử dụng thẻ trong vòng 10 ngày, trường hợp chủ thẻ không chấm dứt sử dụng thẻ được xem là chấp nhận Biểu phí dịch vụ thẻ sửa đổi. Phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức, phí thường niên đã được công bố trên website của Ngân hàng Q theo đúng quy định.

[3.5] Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu ông Th, bà Q trả số tiền phí chậm thanh toán 49.546.825 đồng, phí vượt hạn mức 1.672.548 đồng, phí thường niên 499.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận tại đơn Đề nghị phát hành thẻ và Bản chấp thuận về Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Q, Biểu phí và Điều khoản điều kiện Q Rewards Unlimited, do đó có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Q buộc ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q cùng có nghĩa vụ trả cho Q các khoản tiền sau:

Tiền nợ của khoản vay là: 958.437.912 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.065.479 đồng, nợ lãi quá hạn là 228.372.432 đồng.

Tiền nợ thẻ tín dụng là: 101.647.175 đồng, trong đó nợ gốc là 27.851.930 đồng, nợ lãi là: 22.076.872 đồng, phí chậm thanh toán là: 49.546.825 đồng, phí thường niên là: 499.000 đồng, phí vượt hạn mức là: 1.672.548 đồng.

Tổng cộng: 1.060.085.087 đồng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Th, bà Q phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên có nghĩa vụ hoàn trả lại 1.500.000 đồng cho Ngân hàng Q do Q đã tạm ứng trước tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[6] Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Cuôn không có yêu cầu gì trong vụ án này.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 43.802.500 đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q.

Buộc ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 1.060.085.087 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) bao gồm:

Tiền nợ của khoản vay là: 958.437.912 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.065.479 đồng, nợ lãi quá hạn là 228.372.432 đồng.

Tiền nợ thế tín dụng là: 101.647.175 đồng, trong đó nợ gốc là: 27.851.930 đồng, nợ lãi là: 22.076.872 đồng, phí chậm thanh toán là: 49.546.825 đồng, phí thường niên là: 499.000 đồng, phí vượt hạn mức là: 1.672.548 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (28/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2. Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng 19.779.000 đồng (mười chín triệu bảy

trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003443 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

Ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q phải chịu 43.802.500 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Cao Văn Th, bà Thị Sa Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Võ Thanh Vy